

Bản án số: 154/2026/HNGĐ-ST

Ngày 28-4-2026

V/v *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Đào;

Bà Huỳnh Thị Phương Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Bảo Việt là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026 về “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2026/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị T, sinh năm 1971; địa chỉ: khu phố T, phường G, tỉnh Tây Ninh. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn D, sinh năm 1970; địa chỉ: khu phố T, phường G, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2025 và bản tự khai - nguyên đơn bà Đặng Thị T trình bày: Chị và ông Trần Văn D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường G, tỉnh Tây Ninh) vào năm 2004. Trước khi cưới, có tìm hiểu trước khoảng 01 năm rồi mới tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới. Sau khi về chung sống với nhau hai vợ chồng về sống chung nhà ba mẹ chồng ở Trà Vinh khoảng 10 năm rồi về nhà ba mẹ ruột cho đất cất nhà ra ở riêng tại khu phố T, phường G, tỉnh Tây Ninh.

Quá trình chung sống đến năm 2016 vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng ly thân khoảng 10 năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn D.

- Về con chung: Có hai người con tên Trần Minh T1, sinh ngày: 21/02/2008 và Trần Bảo C, sinh ngày 01/02/1993, hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Văn D là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng nên Tòa án không ghi nhận lời khai của ông D.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị T đối với ông Trần Văn D.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Án phí được tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đặng Thị T vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Trần Văn D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông D là phù hợp quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Đặng Thị T và ông Trần Văn D chung sống với nhau vào năm 1992, có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường G, tỉnh Tây Ninh). Vợ chồng chung

sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo bà T trình bày là do vợ chồng tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã. Bà T và ông D sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Bà T yêu cầu ly hôn với ông D. Ông D mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến tham gia phiên tòa thể hiện ông không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Xét thấy hôn nhân của bà T và ông D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Minh T1, sinh ngày: 21/02/2008 và Trần Bảo C, sinh ngày 01/02/1993 hiện đã thành niên và có khả năng lao động được tự nuôi sống mình nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị T đối với ông Trần Văn D.

Bà Đặng Thị T được ly hôn với ông Trần Văn D.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Minh T1, sinh ngày: 21/02/2008 và Trần Bảo C, sinh ngày 01/02/1993 hiện đã thành niên và có khả năng lao động được tự nuôi sống mình nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0001493 ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự

vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12 -Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND phường G;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm